

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/HS-ST

Ngày: 14/02/2025

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đăng Huy

Thẩm phán: Ông Trần Hữu Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Thom

Ông Nguyễn Văn Hải

Bà Phạm Thị Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Đào Thị Huế - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 99/2024/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2025/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/HSST-QĐ ngày 17 tháng 01 năm 2025 đối với bị cáo:

Lê Văn D, sinh ngày 09/5/1985 tại tỉnh Hưng Yên; tên gọi khác: Không; nơi đăng ký thường trú và nơi ở: thôn Đ, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T và bà Phạm Thị H; có vợ là Phạm Thị H1 và 02 con; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

- Bản án hình sự sơ thẩm số 11 ngày 17/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, xử phạt D 12 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, quy định tại khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự và 04 năm tù về tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức theo quy định tại khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Hiện D đang chấp hành bản án trên tại Trại giam Xuân Nguyên- Bộ C1 (theo Quyết định thi hành án số 50 ngày 13/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên).

- Bản án hình sự sơ thẩm số 173 ngày 18/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa, xử phạt D 13 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, quy định tại khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Tổng hợp với hình phạt 16 năm tù tại bản án số

11 ngày 17/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, buộc D phải chấp hành hình phạt chung của 2 bản án là 29 năm tù, thời hạn tính từ ngày 19/5/2022.

Bị cáo hiện đang chấp hành án tại Trại giam Xuân Nguyên – Bộ C1. Có mặt
Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Đặng Thị Thanh H2 – Văn phòng luật sư Tâm Đức P thuộc Đoàn luật sư tỉnh H; địa chỉ: Số C L, thành phố H, tỉnh Hải Dương. Có mặt

- Bị hại:

1. Ông Nguyễn Văn D1, sinh năm 1965 và bà Lê Thị T1, sinh năm 1968; (bà T1 ủy quyền cho ông D1, ông D1 có mặt, bà T1 vắng mặt)

2. Anh Đỗ Văn C, sinh năm 1980 và chị Hoàng Thị Hải Y, sinh năm 1988; (anh C có mặt, chị Y xét xử vắng mặt)

Đều có địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ (nay là xã N), huyện G, tỉnh Hải Dương;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh C: Luật sư Nguyễn Thị T2 - Công ty L1 thuộc Đoàn luật sư thành phố H; địa chỉ: Tầng C, Căn hộ L Dự án nhà liền kề Khu đô thị M, phường M, thành phố Hà Nội; Có mặt

-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Văn D2, sinh năm 1967; địa chỉ: Khu F, phường K, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; xét xử vắng mặt

-Người làm chứng: Chị Phạm Thị H1, sinh năm 1987; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 5/2021 Lê Văn D mất tiền khi tham gia đánh bạc trên trang mạng W88 (*không xác định được cụ thể địa chỉ trang web*), nên D đã đưa ra thông tin gian dối về việc cần tiền để kinh doanh xe ô tô cũ về bán. Thấy D mua bán ô tô cũ nên vợ chồng ông Nguyễn Văn D1, sinh năm 1965, bà Lê Thị T1, sinh năm 1968 và vợ chồng anh Đỗ Văn C, sinh năm 1980, chị Hoàng Thị Hải Y, sinh năm 1988 đều trú tại: thôn Đ, xã Đ, huyện G tin là thật, đã chuyển cho D 1.245.000.000 đồng, cụ thể:

Khoảng tháng 10/2021, vợ chồng ông Nguyễn Văn D1 cho D vay 300.000.000 đồng (*ông D1 quản lý giấy biên nhận vay tiền*), ngày 30/11/2021, ngân hàng A phòng giao dịch Trạm Bổng giải ngân cho ông D1 vay 1.000.000.000 đồng, ông D1 đề nghị ngân hàng A giải ngân trực tiếp vào tài khoản ngân hàng A số 2310205148822 của D cho D vay. Đầu tháng 12/2021 ông D1 tiếp tục được ngân hàng A giải ngân cho vay tiếp 700.000.000 đồng, D đặt vấn đề vay tiếp nhưng ông D1 yêu cầu D phải có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin. Do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng D đang thế chấp tại Ngân hàng V chi nhánh huyện G, tỉnh Hải Dương để đảm bảo cho khoản vay 2.500.000.000 đồng nên D sử dụng tài khoản Facebook (*không nhớ tên tài khoản*)

đặt mua giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả với giá 02 triệu đồng. Khoảng cuối tháng 12/2021, D nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số BN 775073 giả mang tên vợ chồng D qua dịch vụ chuyển phát nhanh.

Ngày 11/01/2022, Ngân hàng A phòng giao dịch Trạm Bồng giải ngân cho ông D1 vay số tiền 700.000.000 đồng và chuyển số tiền trên vào tài khoản Ngân hàng A số 2310205148822 của D. Ngay sau khi nhận được tiền, D đã chuyển khoản 195.000.000 đồng đến tài khoản ngân hàng T3 số 19037198196012 đứng tên Đào Trà M, sinh năm 2003, địa chỉ: tổ A, phường T, quận H, thành phố Hà Nội; chuyển 485.000.000 đồng đến tài khoản ngân hàng T3 số 19037780840015 đứng tên Nguyễn Thị H3, sinh năm 1987, địa chỉ: ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long để nạp tiền đánh bạc trên mạng internet; chuyển khoản 10.000.000 đồng để trả nợ ông Phạm Văn D2, sinh năm 1967, trú tại: khu F, phường K, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh; số tiền còn lại 10.000.000 đồng D chuyển khoản đổi, rút tiền mặt chi tiêu cá nhân hết. Tới cùng ngày, D mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đến nhà ông D1 giao cho ông D1, viết giấy vay tiền nội dung vay của vợ chồng ông D1 số tiền 02 tỷ đồng với lãi suất theo thỏa thuận (0,8%/tháng) rồi đưa cho ông D1 quản lý, lấy lại giấy vay 300.000.000 đồng đã giao cho ông D1 trước đó rồi hủy đi. Để vợ chồng ông D1 tin tưởng việc D đang kinh doanh có lợi nhuận, ngày 30/01/2022 và ngày 02/3/2022, D chuyển khoản trả cho ông D1 tổng số 43.000.000 đồng nói là tiền lãi của khoản vay 2.000.000.000 đồng.

Cuối tháng 4/2022, D không trả tiền gốc, tiền lãi nên ông D1 nhờ người kiểm tra biết được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất D đã giao cho ông D1 là giả nên ngày 19/5/2022 đã làm đơn tố cáo D đến Công an huyện Gia Lộc

Duy đưa ra thông tin gian dối rủ anh Đỗ Văn C góp vốn kinh doanh xe ô tô cũ với D về để bán, hứa hẹn chia lợi nhuận cho anh C. Tin tưởng D nên từ ngày 02/10/2021 đến ngày 05/4/2022, anh C đã nhiều lần chuyển tổng số tiền 4.950.000.000 đồng cho D để kinh doanh xe ô tô. Trong đó ngày 17/01/2022 ngay sau khi nhận số tiền 545.000.000 đồng của anh C, D chuyển 509.800.000 đồng đến tài khoản ngân hàng T3 số 19037198196012 đứng tên Đào Trà M nạp tiền đánh bạc; rút tiền mặt 35.200.000 đồng chi tiêu cá nhân. Số tiền còn lại 4.405.000.000 đồng D khai sử dụng kinh doanh ô tô và mục đích cá nhân khác nhưng chưa xác định được. Ngày 18/4/2022, D gặp anh C viết giấy nhận nợ của anh C số tiền 5.000.000.000 đồng (tiền gốc là 4.950.000.000 đồng và 50.000.000 đồng tiền lãi), giao cho anh C quản lý, ngày 12/5/2022, anh C làm đơn tố cáo D đề nghị Công an huyện G xử lý theo quy định.

- *Kết luận giám định số 170/KL-KTHS ngày 18/7/2023, số 209/KH-KTHS, ngày 13/11/2024 của Phòng K Công an tỉnh H, kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số BN 775073*

đúng tên Lê Văn D và Phạm Thị H1 đề ngày 14/6/2016 là giả toàn phần gồm: Phôi, hình dấu, chữ ký; chữ viết trên Giấy biên nhận do ông Nguyễn Văn D1, anh Đỗ Văn C giao nộp là chữ viết của Lê Văn D.

Tại Cáo trạng số 105/CT-VKSHD-P1 ngày 29/11/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Lê Văn D tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự và tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị xử phạt D 12 năm 06 tháng đến 13 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và 03 năm 06 tháng tù về tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt cho cả 02 tội là 16 năm đến 16 năm 06 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 29 năm tù tại bản án số 173/2024/HSST ngày 18/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên. Buộc bị cáo phải chấp hành chung hình phạt của 02 bản án là 30 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/5/2022.

Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc ông Nguyễn Văn D3 phải hoàn trả cho vợ chồng ông Nguyễn Văn D1 10.000.000 đồng

- Buộc bị cáo phải bồi thường cho vợ chồng ông Nguyễn Văn D3 690.000.000 đồng, cho vợ chồng anh Đỗ Văn C 545.000.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường cho các bị hại là 1.235.000.000 đồng.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo khai nhận hành vi như cáo trạng đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo nhất trí với tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, trách nhiệm dân sự theo luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hành vi chiếm đoạt tiền của bị hại C cấu thành tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản; xem xét hoàn cảnh gia đình của bị cáo, có ông nội có thành tích để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo dưới mức VKS đề nghị.

Các bị hại đều đề nghị bị cáo phải bồi thường số tiền đã chiếm đoạt và xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật.

Lưu ý T1 bảo vệ quyền lợi cho bị hại C đề nghị trả hồ sơ điều tra bổ sung để làm rõ hành vi của chị H1 có đồng phạm với bị cáo hay không và các khoản tiền bị cáo dùng để đánh bạc, mua xe, chi tiêu khác để xác định số tiền bị cáo chiếm đoạt của bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan điều tra, truy tố trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, luật sư và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp lời khai của bị hại, người làm chứng, kết luận giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Do cần tiền để đánh bạc trên mạng internet, nên Lê Văn D đã mua giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đưa cho ông Nguyễn Văn D1 để ông D1 tin tưởng, đến ngày 11/01/2022, tại nhà của vợ chồng ông Nguyễn Văn D1, địa chỉ thôn Đ, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương, Lê Văn D đã chiếm đoạt 700.000.000 đồng của ông D1. Ngày 17/01/2022, bằng thủ đoạn rủ góp vốn kinh doanh xe ô tô cũ, đưa hợp đồng giả mạo cho anh C (thể hiện có ý thức chiếm đoạt từ trước); Lê Văn D đã làm cho anh Đỗ Văn C tưởng thật, qua đó chiếm đoạt số tiền 545.000.000 đồng của anh C. Tổng số tiền D chiếm đoạt được của ông D1 và anh C là 1.245.000.000 đồng, D sử dụng đánh bạc là 1.189.800.000 đồng, trả nợ 10.000.000 đồng và chi tiêu cá nhân 45.200.000 đồng.

Hành vi của bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp của các bị hại. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi đưa ra các thông tin gian dối để chiếm đoạt tiền của bị hại là vi phạm pháp luật nhưng vì để có tiền tiêu sài cho cá nhân, đánh bạc và trả nợ mà vẫn cố ý thực hiện. Ngoài thủ đoạn gian dối, hành vi sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả của bị cáo để thực hiện chiếm đoạt tiền của ông D1 đã xâm phạm đến hoạt động của cơ quan nhà nước trong lĩnh vực quản lý hành chính về con dấu, tài liệu. Do đó cả 2 hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự và tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Luật sư H2 đề nghị xem xét về tội danh của bị cáo là không có cơ sở chấp nhận, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Bị cáo 02 lần dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền của bị hại và mỗi lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách

nhiệm hình sự Phạm tội từ 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[3.2] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4]. Về nhân thân: Bị cáo chưa có tiền án, tiền sự nhưng nhân thân đã từng bị xét xử cũng về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức được xác định là nhân thân xấu.

[5]. Về hình phạt: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để trừng trị, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung đối với cả 02 tội. Do bị cáo bị xét xử 02 tội và phải tổng hợp hình phạt của bản án trước nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55, Điều 56 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt chung đối với bị cáo. Bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tiền của bị hại tổng là 1.245.000.000 đồng trong đó dùng 10.000.000 đồng chiếm đoạt của ông D1 để trả nợ cho ông D3. Theo quy định tại Điều 167 Bộ luật Dân sự, trường hợp này chủ sở hữu tài sản (bị hại) có quyền đòi lại số tiền từ những người mà bị cáo trả nợ. Do đó, căn cứ Điều 167, Điều 579, Điều 580, Điều 582 Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử buộc ông D3 phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho vợ chồng ông D1 10.000.000 đồng. Quan hệ vay nợ giữa bị cáo và ông D3 do các bên tự thỏa thuận giải quyết, nếu có tranh chấp thì có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật. Đối với số tiền còn lại, bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho bị hại. Cụ thể, bị cáo phải bồi thường cho vợ chồng ông D1 690.000.000 đồng và bồi thường cho vợ chồng anh C 545.000.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường cho các bị hại là 1.235.000.000 đồng.

[7]. Về án phí: Bị cáo bị kết tội và phải bồi thường dân sự nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQG14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8]. Vấn đề khác:

Đối với hành vi nhận số tiền 1.400.000.000 đồng của ông D1, nhận 5.300.000.000 đồng của anh Phạm Văn L, sinh năm 1978, trú tại thôn Đ, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương và nhận 4.405.000.000 đồng của anh C và hành vi đánh bạc trên trang mạng W88 của Lê Văn D. Xét thấy, Cơ quan điều tra đã ra các văn bản số 2323 đến 2325 ngày 26/7/2024; số 2473 ngày 19/11/2024 yêu cầu các ngân

hàng cung cấp tài khoản nhận tiền của D và ủy thác điều tra xác minh thông tin các chủ tài khoản đã nhận tiền từ D số 1193 ngày 26/7/2024; số 1417 đến 1469 ngày 16/8/2024 nhưng chưa có kết quả, chưa làm việc được với chủ các tài khoản ngân hàng về nội dung nhận tiền; Cơ quan điều tra ra văn bản số 2474 ngày 19/11/2024 đề nghị Bộ T4 cung cấp thông tin về trang web “W88” nhưng chưa có kết quả. Ngày 21/11/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh đã ra Quyết định số 2146 tách hành vi và tài liệu liên quan trong vụ án hình sự để tiếp tục kiểm tra, xác minh giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đối với chị Phạm Thị H1 (vợ D) cùng D đến nhà ông D1 đưa giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho ông D1 để vay tiền nhưng chị H1 không biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đó là giả, không biết D sử dụng tiền vay vào mục đích đánh bạc nên không đồng phạm với D hay có dấu hiệu của tội phạm khác nên không có căn cứ xem xét xử lý.

Do đó đề nghị của luật sư T1 trả hồ sơ điều tra bổ sung để làm rõ về những vấn đề trên không có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về áp dụng pháp luật:

- Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;
- Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự;
- Căn cứ điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 55, Điều 56 Bộ luật Hình sự; Điều 167, Điều 579, Điều 580, Điều 582 Bộ luật Dân sự; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lê Văn D phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", "Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"

3. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lê Văn D 13 (Mười ba) năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; 03 (Ba) năm tù về tội Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt cho cả 02 tội là 16 (Mười sáu) năm tù.

Tổng hợp hình phạt 29 năm tù tại bản án số 173/2024/HSST ngày 18/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của các bản án là 30 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/5/2022.

4. Về trách nhiệm dân sự:

4.1. Buộc ông Nguyễn Văn D3 phải hoàn trả cho vợ chồng ông Nguyễn Văn D1 10.000.000 (Mười triệu) đồng

4.2. Buộc bị cáo phải bồi thường cho vợ chồng ông Nguyễn Văn D3 690.000.000 (Sáu trăm chín mươi triệu) đồng, cho vợ chồng anh Đỗ Văn C 545.000.000 (Năm trăm bốn mươi lăm triệu) đồng.

Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường cho các bị hại là 1.235.000.000 (Một tỷ hai trăm ba mươi lăm triệu) đồng.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Lê Văn D phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 61.750.000 (Sáu mươi một triệu bảy trăm năm mươi nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án về nội dung liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Trại tạm giam CA tỉnh Hải Dương;
- Cơ quan CSĐT - CA tỉnh Hải Dương;
- Phòng HSNV- CA tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu: HSVA, THS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Bùi Đăng Huy